

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 87/2021/HS-ST

Ngày 27 - 7 - 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM - TỈNH KON TUM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tiền và bà Chế Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 92/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Hồ H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 03 tháng 11 năm 1998 tại Kon Tum; Nơi cư trú: Số M, đường T, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ H1, sinh năm 1968 và bà Lý Thị N1, sinh năm 1978; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 01/4/2021, bị UBND phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 100/QĐ-UBND đưa người nghiện ma túy vào cơ sở xã hội trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Căn cứ Quyết định khởi tố bị can số 76/QĐ-ĐCSHS ngày 20/4/2021 của Cơ quan CSĐT – Công an thành phố K, ngày 06/5/2021, UBND phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 129/QĐ-UBND về hủy bỏ Quyết định số 100 ngày 01/4/2021.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/5/2021 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Nhật Q, sinh năm 2001 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Hẻm P, đường Đ, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Bùi Thị T, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

2/ Anh Bùi Trọng N, sinh năm 1998 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số L, đường N, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- Người làm chứng:

1/ Anh Phạm Đức Hưng Hồng P, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

2/ Anh Vũ Xuân H2, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Hẻm P, đường Đ, phường T, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ, ngày 04/3/2021, bị cáo Hồ H đến chơi tại phòng trọ của vợ chồng anh Phạm Đức Hưng Hồng P và chị Nguyễn Thị Nhật Q ở hẻm P, đường Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Lúc này, tại phòng trọ có vợ chồng anh P và anh Vũ Xuân H2. Ngồi chơi đến khoảng 14 giờ, cùng ngày thì anh H2 nhờ anh P chở mình về nhà anh chị tại thôn K, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Do bận việc nên anh P nhờ bị cáo chở H2 đi giúp mình. Bị cáo đồng ý và nói chị Q cho mượn xe mô tô biển kiểm soát 82H3-4259 để chở anh H2 đi. Chị Q đồng ý và giao xe cho bị cáo. Sau khi chở anh H2 đến nhà anh chị anh H2, do không có tiền tiêu xài, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của chị Q nên bị cáo không mang xe về trả cho chị Q mà điều khiển xe đến gặp anh Bùi Trọng N. Bị cáo nói với N chiếc xe mô tô này là của bố mình và muốn cầm cố xe lấy 4.000.000 đồng, hẹn 01 tuần sau quay lại trả tiền, lấy xe. Anh N đồng ý. Sau khi cầm cố xe được 4.000.000 đồng, bị cáo không liên lạc, không trả lời tin nhắn của vợ chồng chị Q, ở quán Game Imba trên đường P khoảng 10 ngày, tiêu xài hết hơn 2.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Kết luận định giá số 18/KL-HĐ ngày 29/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố K: Tổng giá trị của 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát 82H3-4259 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 7.215.000 đồng (*Bảy triệu, hai trăm mười lăm nghìn đồng*).

Về vật chứng: Cơ quan CSĐT đã thu giữ 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát 82H3-4259 và xác định chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Nhật Q. Tháng 02/2010, bà Bùi Thị T (mẹ chị Q) đã mua chiếc xe này và đứng tên chủ xe trên đăng ký xe. Tháng 01/2019, bà T đã cho chị Q chiếc xe này để làm phương tiện đi lại, chị Q chưa làm thủ tục sang tên. Ngày 20/4/2021, cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử lý vật chứng và trả lại xe cho chị Q.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Nhật Q đã nhận lại xe, chị Q không yêu cầu giải quyết gì thêm về vấn đề dân sự; anh Bùi Trọng N không yêu cầu bị cáo phải trả lại 4.000.000đ.

Cáo trạng số 93/CT-VKSTPKT ngày 06/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo Hồ H về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hồ H từ 09 đến 12 tháng tù. Về xử lý vật chứng đã xử lý theo thẩm quyền nên không đề cập đến; về trách nhiệm dân sự không ai yêu cầu giải quyết vấn đề gì nên không xem xét giải quyết.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết về vấn đề dân sự. Bị hại đề nghị xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Qua phần xét hỏi công khai tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận: Vào khoảng 14 giờ, ngày 04/3/2021, tại phòng trọ của vợ chồng anh Phạm Đức Hưng Hồng P và chị Nguyễn Thị Nhật Q ở hẻm P, đường Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum, bị cáo Hồ H đã được anh P nhờ chở anh Vũ Xuân H2 đến nhà anh chị của H2 bằng xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát 82H3-4259 của chị Q. Sau khi chở H2 đến nơi, do không có tiền tiêu xài, bị cáo Hồ H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên nên đến gặp anh Bùi Trọng N, nói dối xe mô tô này là của bố mình và cầm cố xe lấy 4.000.000 đồng, sau đó không liên lạc, không trả lời tin nhắn của vợ chồng chị Q và bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh. Tính đến thời điểm bị chiếm đoạt, tổng giá trị của chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 82H3-4259 là 7.215.000 đồng (*Bảy triệu, hai trăm mười lăm nghìn đồng*). Số tiền 4.000.000 đồng, bị cáo Hồ H đã tiêu xài cá nhân hết.

[3] Xét, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ như biên bản lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và biên bản thu giữ vật chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo Hồ H đã bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum truy tố về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Khi thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, thông qua việc tin tưởng của người giao tài sản để sử dụng nhưng không trả, rồi dùng thủ đoạn gian dối cầm cố lấy tiền tiêu xài, không liên lạc với bị hại, bỏ trốn. Giá trị tài sản chiếm đoạt là 7.215.000đ thuộc trường hợp "*trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng*". Hành vi đó của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ nên cần phải xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi nguy hiểm mà bị cáo gây nên để đảm bảo tính giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không phải chịu tình tiết nào; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại các điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà cải tạo thành người công dân lương thiện, sống có ích cho xã hội.

Xét về nhân thân, mặc dù trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt nhưng sau đó bị cáo bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh thì vào ngày 01/4/2021, bị cáo thực hiện hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” và bị UBND phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định đưa người nghiện ma túy vào cơ sở xã hội trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, như vậy về nhân thân của bị cáo tính đến thời điểm xét xử thì bị cáo là người có nhân thân xấu nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân sống biết tôn trọng pháp luật.

[6] Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, vì bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Cơ quan Điều tra Công an thành phố K đã xử lý vật chứng theo thẩm quyền nên không đề cập đến nữa.

[8] Đối với anh Bùi Trọng Na là người đã cầm cố chiếc xe mà bị cáo chiếm đoạt nhưng do anh N không biết đó là xe phạm tội mà có nên Cơ quan CSĐT Công an TP.K không xử lý đối với anh N là đúng, không đề cập đến nữa.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bà T, anh N và chị Q không yêu cầu giải quyết gì về vấn đề dân sự nên không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí Hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Hồ H phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; khoản 1 Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Hồ H 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 07/5/2021.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Hồ H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (27/7/2021) bị cáo, bị hại,

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tỉnh Kon Tum để xin xét xử phúc thẩm. Trường hợp vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Vụ 1 TANDTC;
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP K;
- VKSND Tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan điều tra TP K;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP K;
- Người bị hại;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung